

Bản án số: 355/2023/HSPT
Ngày: 29/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Kim Liên
Các Thẩm phán: ông Phạm Ngọc Thái
ông Võ Ngọc Thông

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Phương Mai, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Quách Hoà Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 308/2023/TLPT-HS ngày 03 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Lê Đại H (Dỗ) về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2023/HS-ST ngày 22/5/2023 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Đại H (tên gọi khác: Dỗ); sinh ngày 24/01/1983 tại xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo; con ông Lê C và bà Võ Thị Như H1; vợ: Nguyễn Thị Cẩm L; có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: năm 2018, bị Toà án nhân dân huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị xử phạt 17.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” (chấp hành xong hình phạt ngày 22/01/2019).

Bị bắt, tạm giam ngày 06/6/2022. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: ông Trần Xuân V - Luật sư Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mối quan hệ ngoài xã hội, Nguyễn Vũ T quen biết một nam thanh niên tên T1 (không rõ nhân thân, lai lịch, trú tại thị trấn K). Tháng 10/2020, T1 cùng Lê Đại H vào thành phố Đà Nẵng chơi và gặp T. T1 giới thiệu T biết H bán ma túy. Để tiến hành hoạt động mua bán ma túy, T thuê xe ô tô BKS 43A-409.66 làm phương tiện đi lại vận chuyển ma túy. Đồng thời thuê Trần Văn T2 làm tài xế và giúp T giao nhận, vận chuyển ma túy.

Từ tháng 02/2021 đến ngày 27/3/2021, T đã mua của H ba lần ma túy, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: tháng 02/2021, T mua của H 01kg ma túy đá giá 190.000.000đồng. Sau đó, T2 chở T đem vào huyện D, tỉnh Quảng Nam bán cho một đối tượng tên M (không rõ nhân thân, lai lịch) giá 260.000.000đồng.

Lần thứ hai: ngày 12/3/2021, T mua của H 02kg ma túy đá giá 360.000.000đồng. T chuyển trước cho H 150.000.000đồng. Sau đó, T nói T2 đang ở huyện V, tỉnh Quảng Trị vào thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị nhận ma túy. Khi đến nơi, T2 nghi có Bộ đội Biên phòng theo dõi nên không nhận được số ma túy trên.

Lần thứ ba: ngày 27/3/2021, T2 điều khiển xe ô tô BKS 43A-409.66 chở T và Nguyễn Thị Trà M1 về thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình để dự tiệc đầy tháng cháu của M1. Khi đến nơi, T và T2 vào khách sạn N (huyện L, tỉnh Quảng Bình) nghỉ ngơi, còn M1 về nhà tại thị trấn K. Tại khách sạn, khoảng 16 giờ ngày 27/3/2021, T gọi điện cho H có số điện thoại 0702.334.519, 0868.987.898 đặt mua 02kg ma túy đá, hai bên thống nhất giá 180.000.000đồng/01kg. Sau đó, T sử dụng tài khoản Ngân hàng M2 chuyển 300.000.000đồng vào tài khoản Ngân hàng S số 040097438899 mang tên Lê Đại H. Đến ngày 28/3/2021, T tiếp tục chuyển 50.000.000đồng vào tài khoản của Lê Đại H và nợ lại 10.000.000đồng sẽ thanh toán sau. Nguồn ma túy bán cho T là do H mua của một người tên T3 (người Lào, không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 300.000.000đồng/02kg ma túy đá. Sau đó, H hẹn T đến cầu D (huyện C, tỉnh Quảng Trị) để nhận ma túy. Khoảng 10 giờ ngày 28/3/2021, T nói T2 đi ô tô đến tỉnh Quảng Trị để nhận ma túy. T2 nhận lời và đến điểm hẹn nhận 02kg ma túy đá của một thanh niên không rõ lai lịch giao. Trong lúc T2 đi nhận ma túy thì T đến nhà M1. Tại đây, H liên lạc cho T nhờ T chuyển một gói 200 viên ma túy hồng phiến cho Lê Ngọc H2 (sinh năm 1996, trú: xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị) đang ở tại thành phố Đà Nẵng. Sau khi nhận ma túy xong, T2 chạy xe ô tô về khách sạn N. Khoảng 16 giờ cùng ngày đến khách sạn, T2 đưa gói ma túy cho T rồi điều khiển xe ô tô chở T và số ma túy trên từ khách sạn N về nhà M1. Tại nhà M1, Trọng giấu số ma túy trên vào vali của M1 và khóa lại. T nói T2 điều khiển xe ô tô chở M1 ra bến xe huyện L để M1 gửi chiếc vali chứa ma túy cho xe khách vận chuyển vào thành phố Đà

Năng. Sau đó, T2 lái xe chở T và M1 về lại thành phố Đà Nẵng. Khi đến trước số nhà B đường T (đối diện cây xăng B thành phố Đà Nẵng) thì đậu xe. Lúc này, T2 và M1 ngồi trên xe, T đi bộ vào cây xăng H3 nơi xe khách dừng đỗ để lấy vali. T cầm vali đi sang đường để lên xe ô tô nhưng chưa kịp đi qua đường thì bị Bộ đội Biên phòng kiểm tra và phát hiện trong vali có:

+ 01 gói nilong màu đen, bên trong có 02 gói nilong màu vàng in dòng chữ “GUANYINWANG”; trong mỗi gói nilong trong suốt chứa chất tinh thể rắn màu trắng dạng cục (Nguyễn Vũ T khai nhận là ma túy đá), được niêm phong ký hiệu A1;

+ 01 gói nilong màu tím, bên trong có 02 viên nén hình trụ tròn màu xanh có chữ WY và 198 viên nén hình trụ tròn màu hồng có chữ WY (Nguyễn Vũ T khai nhận là ma túy hồng phiến), được niêm phong ký hiệu A2.

Tại Kết luận giám định số 94/GĐ-MT ngày 01/4/2021 của Phòng K Công an thành phố Đ xác định: tìm thấy Methamphetamine trong 02 gói nilong tinh thể rắn màu trắng (mẫu A1), khối lượng 1.922,93gam. Tìm thấy Methamphetamine trong 01 gói nilong chứa các viên nén màu hồng, viên nén màu xanh (mẫu A2), khối lượng 21,223gam.

T khai số ma túy trên mua của Lê Đại H đem về Đà Nẵng để bán lại kiếm lời.

Sau khi biết T bị bắt, H bỏ trốn khỏi địa phương và mang theo ma túy để sử dụng. Nguồn gốc số ma túy H đem theo là vào đầu tháng 01/2022, H đến cửa khẩu L2 chơi và gặp một thanh niên tên “Cùm” (không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua 50 viên ma túy hồng phiến giá 1.500.000đồng, mục đích để sử dụng. Sau đó, H xuống thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị đi chơi với bạn bè ở quán bar và sử dụng ma túy. Sau khi sử dụng xong ma túy tại quán bar, H được người bạn cho 01 viên ma túy màu hồng, 01 tờ tiền mệnh giá 5.000đồng bên trong có ma túy đá, 01 gói nilong màu xanh có dòng chữ “CRISPY FRUIT” bên trong có chất bột ma túy. Số ma túy trên, H đã sử dụng hết 10 viên nén đỏ nhạt, số còn lại H để trên kệ tủ tại phòng trọ. Đến ngày 06/6/2022, bị Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương kiểm tra hành chính phát hiện H cất giấu ma túy để sử dụng nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật:

+ 01 tờ tiền mệnh giá 5.000VNĐ bên trong chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M1);

+ 01 túi nilong miệng kéo dính, màu xanh bên trong chứa: 01 viên nén màu xanh nhạt (ký hiệu M2-1); 01 viên nén màu hồng nhạt (ký hiệu M2-2); 39 viên nén màu đỏ nhạt (ký hiệu M2-3);

+ 01 túi nilong màu xanh bên ngoài có in dòng chữ “CRISPY FRUIT” màu đen miệng hàn kín bên trong có chứa chất bột (ký hiệu M3).

Tại Kết luận giám định số 254/KL-KTHS (MT) ngày 13/6/2022 của Phòng K Công an tỉnh B xác định:

+ Mẫu tinh thể gửi đi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng mẫu M1: 0,0745gam;

+ Mẫu viên nén gửi đi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng mẫu M201: 0,0907gam; mẫu M2-3: 3,4070gam;

+ Mẫu viên nén gửi đi giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng M2-2: 0,2263gam;

+ Chất bột mẫu M3 có khối lượng 7,5299gam.

Tại Kết luận giám định số 1774/KL-KTHS (MT) ngày 15/12/2022 của Phân viện Kỹ thuật hình sự tại thành phố Đà Nẵng xác định: mẫu chất bột ký hiệu M3 gửi đi giám định bổ sung có hàm lượng MDMA là 1,75% (0,1317gam), hàm lượng Ketamine là 0,63% (0,0474gam).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2023/HSST ngày 22/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 40 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đại H tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đại H 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Đại H để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/6/2023, bị cáo Lê Đại H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng án sơ thẩm xử nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Đại H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: bị cáo Hải có nhân thân xấu, phạm tội mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng đặc biệt lớn. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng và đủ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đại H và giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

Luật sư Trần Xuân V bào chữa cho bị cáo H cho rằng tại phiên toà phúc thẩm hôm nay không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, mức án Toà án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo H là thoả đáng nên Luật sư Trần Xuân V thống nhất quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo Lê Đại H trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; căn cứ Biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: ngày 27/3/2021, H đã có hành vi bán 1.944,153gam ma túy loại Methamphetamine cho Nguyễn Vũ T với giá 360.000.000đồng. T đã thanh toán bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng của H số tiền là 350.000.000đồng, còn nợ 10.000.000đồng. Sau khi nhận ma túy, T giấu số ma túy này vào vali của M1 và nói T2 chở M1 đi gửi vali cho xe khách vào thành phố Đà Nẵng. Sau đó, T2 điều khiển xe ô tô chở T và M1 về thành phố Đà Nẵng. Khi đến trước số nhà B đường T (Đ thành phố Đà Nẵng) thì dừng xe. T đi bộ vào cây xăng H3 - nơi xe khách đỗ để lấy vali. Khi T cầm vali đi sang đường để lên xe ô tô nhưng chưa kịp qua đường thì bị Bộ đội Biên phòng kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ ma túy và tang vật có liên quan. Biết T bị bắt, H bỏ trốn vào tỉnh Bình Dương và mang theo ma túy để sử dụng. Đến ngày 06/6/2022, H bị Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương kiểm tra hành chính phát hiện bắt quả tang tàng trữ trái phép 3,9776gam ma túy nhằm mục đích sử dụng. Ngoài ra, theo T và T2 khai nhận: trước đó đã hai lần mua ma túy của H để bán lại kiếm lời. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo H thừa nhận hành vi bán ma túy cho T, khối lượng là 1.944,153gam với giá 360.000.000đồng vào ngày 27/3/2021 và thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương bắt quả tang. Bị cáo H không thừa nhận hai lần bán ma túy trước đó cho T. Bị cáo khai mượn của T 150.000.000đồng, T chuyển khoản cho bị cáo và bị cáo đã trả nhưng căn cứ vào lời khai của T trong suốt quá trình điều tra đều khẳng định ngoài lần bị bắt quả tang thì T có mua ma túy của H hai lần, tổng cộng 03kg. Bên cạnh đó, nội dung tin nhắn trích xuất từ điện thoại của T về các lần mua ma túy và việc chuyển tiền thanh toán cho H; việc H và T mâu thuẫn do T2 đi nhận ma túy nhưng nghi bị Bộ đội Biên phòng theo dõi nên không nhận được; lời khai của T2 về việc biết T và H có mối quan hệ thân thiết với nhau, T2 biết H do T và H thường xuyên gọi điện, nhắn tin zalo với nhau về việc mua ma túy và T2 cũng từng gặp trực tiếp H trong một lần lái xe chở T và M1 ra thị trấn L, huyện H, tỉnh

Quảng Trị cho thấy rằng ngoài lần phạm tội thứ ba, H còn hai lần thực hiện hành vi bán ma túy cho T như nhận định của Toà án cấp sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Đại H, Hội đồng xét xử thấy: bị cáo có hành vi mua bán trái phép chất ma túy loại Methamphetamine, khối lượng là 1.944,153gam và tàng trữ khối lượng 3,9776gam ma túy (trong đó: 0,1219gam ma túy loại Ketamine, 3,4977gam ma túy loại Methamphetamine, 0,358gam ma túy loại MDMA). Ngoài ra, theo lời khai của T và T2 thì bị cáo H còn bán ma túy cho T hai lần, tổng cộng khối lượng 03kg nên phạm vào điểm b khoản 4 Điều 251 và điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, sẽ bị trừng trị nghiêm khắc nhưng vì hám lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng đặc biệt lớn. Chỉ xét riêng lần thứ ba H đã bán ma túy cho T với khối lượng 1.944,153gam, gấp gần 20 lần khối lượng quy định tại khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Sau khi bỏ trốn, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó, việc loại bỏ vĩnh viễn bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là cần thiết, mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đã xem xét áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51, Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H hình phạt tử hình là thoả đáng.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo H; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cũng như lời bào chữa của Luật sư Trần Xuân V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Đại H không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[6] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đại H (tên gọi khác: Dỗ) và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 40 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đại H (tên gọi khác: D) tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đại H (tên gọi khác: D) 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự và khoản 4 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự: tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành là tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Đại H (tên gọi khác: D) để đảm bảo thi hành án.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Lê Đại H (tên gọi khác: D) có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước xin ân giảm án tử hình.

2. Về án phí: bị cáo Lê Đại H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng (03);
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Công an thành phố Đà Nẵng (03);
- Trại tạm giam CA thành phố Đà Nẵng (03);
- Bị cáo (TTG tổng đạt cho bị cáo);
- Luật sư;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên